UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1909 /QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 02 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 85/TTr-SKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau:

Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Quyết định số 2545/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP; CVNC;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, ntbthuy.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chín

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 02.08.2021 13:11:30 +07:00

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1909 /QĐ-UBND, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	**LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN (07 TTHC)**				
1	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ khai báo	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.
2	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị.	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
				+ Sử dụng thiết bị X-quang chụp vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
				cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.	
3	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày kể từ ngày làm việc nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định cấp giấy phép: 75% phí thẩm định cấp giấy phép mới. - Lệ phí cấp giấy phép: không.	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.
4	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.
5	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	*Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí (nếu có)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.
7	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí: Không. - Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ.	- Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008; - Nghị định số 142/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 287/2016/TT-BTC.
II	**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (32 TTHC)**				
1	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: gửi thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). - 15 ngày làm việc: đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá. - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá của hội đồng: công nhận kết quả.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
2	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: gửi thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). - 15 ngày làm việc: đánh	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá. - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả của hội đồng: phê duyệt kết quả để xem xét hỗ trợ kinh phí mua.			
3	Mua sáng chế, sáng kiến	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: gửi thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có). - 15 ngày làm việc: đánh giá hồ sơ thông qua hội đồng đánh giá. - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả của hội đồng: phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP.
4	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	- 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng: phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ. - 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt danh mục: công bố công khai trên	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.			
5	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	- 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng: phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ. - 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.
6	hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	- 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng: phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ. - 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		và Công nghệ.			
7	Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	- 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả của hội đồng: phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ. - 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN.
8	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ	- 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: có văn bản trả lời. - Trường hợp cần thiết, tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội đồng thẩm tra hồ sơ. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016; - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP; - Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg; - Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.	- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC.
10	Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng	- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP; -Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN; - Thông tư số 169/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
	*và Công nghệ)			chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không dưới 03 (ba) triệu đồng.	
11	Xem xét kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu cho cá nhân giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập	Quyết định kéo dài thời gian công tác được gửi cho tổ chức, cá nhân có liên quan biết trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 06 tháng	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	-Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; -Nghị định số 40/2014/NĐ-CP.
12	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
13 *	Cấp giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC.
14	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN.
15	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP; -Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN.
16	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP; -Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
	phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.				
17	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn cấp giấy chứng nhậnkhông quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.
18	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung giấy chứng nhận không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công		Nghị định số 13/2019/NĐ-CP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
19 *	Đánh giá, xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	- Trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp không phải là đặc cách cấp giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP. - Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN.
20	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định hiện hành	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; -Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN.
21	Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đối với cá	- Thời hạn thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: trong 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Sở Khoa học và Công nghệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; -Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học và công nghệ	- Thời hạn quyết định tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ: + Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (hạng I). + Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II). + Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		(hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III).			
22	Xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác	- Thời hạn thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Trung tâm hành chính công của tỉnh đối với trường hợp xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III) - Thời hạn quyết định bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ: + Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên cao cấp, kỹ sư cao cấp (chức danh hạng	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; -Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		I). + Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (chức danh hạng II). + Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách đối với việc xét đặc cách bổ nhiệm chức danh nghiên cứu viên, kỹ sư (chức danh hạng III).			
23	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	45 ngày làm việc làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định hiện hành	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; -Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
24*	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Trong 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 35/2014/TT-BKHCN.
25	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 85/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 35/2014/TT-BKHCN.
26	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005, 2013; - Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 78/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 31/2014/TT-BKHCN.
27	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 15/2014/TT-BKHCN; - Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
28	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC.
29	Thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Thay đổi tên của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng. - Thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng. - Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức KH&CN: 1.500.000 đồng. - Thay đổi vốn của tổ chức KH&CN: 1.500.000 đồng. - Thay đổi	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013. - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP. - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN. - Thông tư số 298/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
				người đứng đầu của tổ chức KH&CN: 1.000.000 đồng. - Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&CN của tổ chức KH&CN: 2.000.000 đồng.	
30	Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC.
31	Thay đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Thay đổi tên văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng. - Thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.500.000 đồng. - Thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện,	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN; - Thông tư số 298/2016/TT-BTC.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chi nhánh: 1.000.000 đồng. - Thay đổi thông tin của tổ chức khoa học và công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh: 1.000.000 đồng. - Thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh: 2.000.000 đồng.	
32	Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	- Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ trong thời hạn 07 ngày làm việc: Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ. - 15 ngày kể từ ngày nhận được thuyết minh đã hoàn	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng KH&CN quy định việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thiện: UBND tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia. - 05 ngày làm việc kể từ khi ký quyết định phê duyệt: UBND tỉnh công khai kết quả và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên cổng thông tin điện tử của địa phương.			sử dụng ngân sách nhà nước.
III	**LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (06 TTHC)**				
1	Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- 15 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản mở hồ sơ: trình Chủ tịch UBND tỉnh thành lập tổ chức họp hội đồng tư vấn. - 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh: trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh thành lập và tổ chức họp tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án. - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về viêc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN; -Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		được hoàn thiện: trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả. - 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt: công bố kết quả.			
2	Đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- Trường hợp thay đổi thời gian thực hiện dự án: trong thời hạn 15 ngày. - Các thay đổi, điều chỉnh khác: trong thời hạn 30 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN.
3	Đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ: thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ: + Sau khi tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường: xem xét, ban hành quyết định chấm dứt. + Trường hợp cần thiết phải tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 (đối với dự án địa phương quản lý)	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ: thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ: + 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo: tổ chức chủ trì dự án bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. + 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: thành lập hội đồng. + 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng: tổ chức họp hội đồng. + 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu công nhận kết quả thực hiện: trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP; - Quyết định số 1062/QĐ-TT; - Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN; - Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Cấp giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ; - Nghị định số 105/2006/NĐ-CP; - Nghị định số 119/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN; - Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN; - Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN; - Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC.
6	Cấp lại giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	250.000 đồng	- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009; - Nghị định số 105/2006/NĐ-CP; - Nghị định số 119/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN; - Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN; - Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN; - Thông tư số 04/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 263/2016/TT-BTC.
IV	**LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (17 TTHC)**				
1	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục: tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định chỉ định.			- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.
2	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). - Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/ 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		được báo cáo kết quả hành động khắc phục: tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định chỉ định			
3	Cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/ 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.
4	Đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Hằng năm	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/ 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.
5	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận.	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ không được bổ sung đầy đủ thì có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ: tổ chức kiểm tra tính	Trung tâm Phục vụ hành chính công	150.000 đồng	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 78/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 183/2016/TT-BTC; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: ban hành thông báo tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ: thông báo bằng văn bản về lý do không tiếp nhận hồ sơ.			
6	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ không được bổ sung đầy đủ thì có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ: tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: ban hành thông báo tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	150.000 đồng	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định 78/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 183/2016/TT-BTC; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ: thông báo bằng văn bản về lý do không tiếp nhận hồ sơ.			
7	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ không được bổ sung đầy đủ thì có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ: tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: ban hành thông báo tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ: thông báo bằng văn bản về lý do không tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	150.000 đồng	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 78/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 183/2016/TT-BTC; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
8	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: thông báo bổ sung hồ sơ (nếu có). Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ không được bổ sung đầy đủ thì có quyền huỷ bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này. - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ: tổ chức kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: ban hành thông báo tiếp nhận hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không hợp lệ: thông báo bằng văn bản về lý do không tiếp nhận hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	150.000 đồng	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định 78/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN; - Thông tư số 183/2016/TT-BTC; - Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.
9	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thời hạn 01	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21/11/ 2007; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ			14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.
10	Công bố sử dụng dấu định lượng	- 03 ngày làm việc: kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: - 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo: bổ sung hồ sơ. - 05 ngày làm việc: giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đo lường năm 2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP; - Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN.
11	Điều chỉnh nội dung của bản công bố sử dụng dấu định lượng	- 03 ngày làm việc: kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: - 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo: bổ sung hồ sơ. - 30 ngày: hủy bỏ xử lý hồ sơ sau khi tổ chức không bổ sung hồ sơ đầy đủ theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Đo lường năm 2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 43/2017/NĐ-CP; -Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		quy định - 05 ngày làm việc: giải quyết sau khi hồ sơ hợp lệ, đầy đủ.			
12	Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu	- Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ: lập phiếu tiếp nhận hồ sơ và vào sổ đăng ký. - 05 ngày làm việc: bổ sung hồ sơ. - 03 ngày làm việc: ra thông báo về việc kiểm tra sau khi hồ sơ hợp lệ. - 10 ngày làm việc: hoàn thành việc kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định	- Luật Đo lường năm 2011; - Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN.
13	Cấp mới giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	- 05 ngày làm việc: tiến hành thẩm xét hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: sau 30 ngày không bổ sung hồ sơ: có văn bản thông báo từ chối cấp giấy phép. + Trường hợp hồ sơ hợp	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 65/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		lệ: cấp giấy phép. + Trường hợp phải thẩm định thực tế: * Trường hợp tổ chức, cá nhân không phải thực hiện hành động khắc phục để hoàn thiện hồ sơ, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định: cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. * Trường hợp tổ chức, cá nhân phải thực hiện hành động khắc phục, thời hạn khắc phục không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày có Biên bản thẩm định thực tế. Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của TCCN: tổ chức thẩm định bổ sung kết quả hành động khắc phục. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định bổ sung: cấp hoặc từ chối cấp giấy phép.			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
14*	Cấp bổ sung giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	- 05 ngày làm việc: tiến hành thẩm xét hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: sau 30 ngày không bổ sung hồ sơ: có văn bản thông báo từ chối cấp giấy phép. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: cấp giấy phép. + Trường hợp phải thẩm định thực tế: * Trường hợp tổ chức, cá nhân không phải thực hiện hành động khắc phục để hoàn thiện hồ sơ, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định: cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân. * Trường hợp tổ chức, cá nhân phải thực hiện hành động khắc phục, thời hạn khắc phục không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định thực tế. Trong 03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP; - Nghị định 113/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 65/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của TCCN: tổ chức thẩm định bổ sung kết quả hành động khắc phục. Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định bổ sung: cấp hoặc từ chối giấy phép.			
15	Cấp lại giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	- 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ: thẩm xét hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: sau 30 ngày kể từ ngày có thông báo bổ sung hồ sơ nhưng không bổ sung hồ sơ theo quy định, có văn bản từ chối cấp Giấy phép và nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ: cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định	- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP; - Nghị định 113/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP; - Nghị định số 65/2018/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN.
16	Cấp goạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: tiến hành thẩm xét hồ sơ, nếu đáp ứng điều	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007; - Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kiện quy định, cấp giấy xác nhận. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định: thông báo lý do bằng văn bản.			một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; - Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; - Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg; - Thông tư số 06/2009/TT-BKHCN.
17	Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị: yêu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). - 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Theo quy định hiện hành của pháp luật về phí, lệ phí	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN (07 TTHC)**		
1	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Nghị định số 142/2020/NĐ-CP	
2	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Nghị định số 142/2020/NĐ-CP	
3	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Nghị định số 142/2020/NĐ-CP	
4	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Nghị định số 142/2020/NĐ-CP	
5	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Nghị định số 142/2020/NĐ-CP	
6	Cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	Nghị định số 142/2020/NĐ-CP	
7	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)	Nghị định số 142/2020/NĐ-CP	